



BẢNG ĐIỂM

Lớp : Quản trị kinh doanh 2 - K12

Môn thi: **Pháp luật đại cương** Lần thi: **1** Giám thị 1: _____
Học kỳ: **1** Năm học: **2011 - 2012** Ngày thi: _____ Giám thị 2: _____
Cán bộ giảng dạy: _____ Phòng thi: _____ Giám thị 3: _____
Tổng số bài: _____ Số tờ: _____ Giám thị 4: _____

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	KÝ TÊN	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
1	1010090062	Lâm Trần	Khánh	20/12/1992	4.5			
2	1010090064	Nguyễn Văn	Khen	03/02/1992	5.5			
3	1010090065	Lê Anh	Khoa	13/12/1992	5.5			
4	1010090066	Nguyễn Đăng	Khoa	03/02/1991	6.5			
5	1010090067	A Huỳnh Thiệu	Khuẩn	22/02/1992	5.5			
6	1010090068	Nguyễn Văn	Khôi	29/06/1991	6.0			
7	1010090069	Nguyễn Thị Duyệt	Khương	02/09/1991	7.5			
8	1010090071	Trần Thị	Kim	08/09/1992	8.0			
9	1010090072	Lê Thị	Lạc	04/06/1992	6.5			
10	1010090073	Huỳnh Thị Minh	Lâm	06/10/1992	0.0			
11	1010090074	Lê Thị	Lệ	17/07/1992	6.5			
12	1010090075	Lê Thị Minh	Liên	15/04/1990	6.0			
13	1010090076	Trần Thị	Liên	13/05/1992	7.5			
14	1010090077	Võ Thị	Liễu	28/12/1992	7.5			
15	1010090078	Lý Thị Dương	Liễu	04/05/1991	6.0			
16	1010090079	Trần Kiều	Linh	22/12/1991	5.0			
17	1010090080	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	24/04/1992	8.0			
18	1010090081	Thái Thị Mỹ	Linh	10/08/1991	6.0			
19	1010090082	Đỗ Thị Ngọc	Linh	04/02/1992	6.5			
20	1010090083	Lê Thị	Lợi	06/08/1992	7.0			
21	1010090084	Lê Nguyễn Hoàng	Long	04/10/1992	6.0			

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	KÝ TÊN	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
22	1010090085	Trương Kin	Long	07/08/1992	0.0			
23	1010090086	Nguyễn Tấn	Lượng	18/09/1992	6.5			
24	1010090087	Nguyễn Thị	Luyến	10/03/1991	6.0			
25	1010090088	Lưu Ngọc	Lý	03/01/1992	7.5			
26	1010090089	Huỳnh Quốc	Mãn	23/08/1992	6.5			
27	1010090090	Nguyễn Hoàng	Minh	16/03/1992	6.0			
28	1010090091	Lê Công	Minh	24/09/1992	0.0			
29	1010090092	Lê Hồng Trà	My	25/03/1992	0.0			
30	1010090093	Huỳnh Hồng Ngọc	Mỹ	01/12/1992	8.0			
31	1010090094	Thái Thị Kiều	Mỹ	10/01/1992	6.0			
32	1010090096	Nguyễn Đức	Nam	01/06/1991	6.0			
33	1010090097	Vương Mỹ	Ngân	18/01/1992	6.5			
34	1010090098	Ngô Trọng	Nghĩa	23/03/1992	6.0			
35	1010090099	Phạm Nguyễn Trần Tu Ngọc		07/07/1992	6.5			
36	1010090100	Huỳnh Hồng	Ngọc	09/11/1992	8.0			
37	1010090101	Trương Mỹ	Ngọc	12/06/1992	6.5			
38	1010090102	Lê Phạm Duy	Ngọc	01/11/1991	7.5			
39	1010090103	Nguyễn Thị Cao	Nguyên	03/12/1992	7.5			
40	1010090104	Nguyễn Đặng Thanh	Nhã	22/12/1992	6.0			
41	1010090105	La Nguyễn Minh	Nhật	28/08/1992	6.5			
42	1010090106	Nguyễn Hoàng	Nhật	21/11/1992	6.5			
43	1010090107	Trương Thị Bích	Nhi	15/07/1992	6.5			
44	1010090108	Nguyễn Thị Yến	Nhi	11/12/1992	6.5			
45	1010090109	Lê Thị Tuyết	Nhung	08/04/1992	7.5			
46	1010090110	Nguyễn Hoàn Xuân	Nữ	26/05/1992	8.0			
47	1010090113	Nguyễn Cao	Phong	20/07/1992	6.5			
48	1010090114	Phạm Hoàng	Phúc	12/10/1992	0.0			
49	1010090115	Trịnh Hoàng	Phúc	05/10/1992	6.0			
50	1010090116	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	26/05/1992	6.0			
51	1010090117	Đinh Công	Phúc	11/11/1991	6.0			

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	KÝ TÊN	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
52	1010090118	Trần Duy Phước	26/08/1991	6.0			
53	1010090119	Huỳnh Hữu Phước	13/10/1992	6.5			
54	1010090120	Nguyễn Hoàng Nhất Phương	04/11/1992	6.0			
55	1010090121	Hoàng Thị Yến Phương	21/10/1992	6.0			
56	1010090122	Nguyễn Thị Thanh Phương	28/10/1990	7.5			
57	1010090176	Nguyễn Thị Thuận	02/09/1992	6.5			
58	1010090222	Nguyễn Thị Bé Tuyền	16/08/1992	6.0			

Ngày tháng năm

CHỦ NHIỆM BỘ MÔN (KHOA)
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁO VIÊN CHẤM THI
(Ký và ghi rõ họ tên)